TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DI LINH** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án Số: 11/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 24-4-2019
V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Duy Trâm

2. Bà Trần Thị Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thới Sương – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên toà:* Bà My La - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc H

Địa chỉ: xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc V

Địa chỉ: đường P, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 02 năm 2019 và các tài liệu chứng cứ, nguyên đơn của bà Trần Thị Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Ngọc V sống chung như vợ chồng từ năm 2009, có làm đám cưới theo phong tục tập quán, sau đám cưới vợ chồng về

sống chung nhà mẹ ông V, đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 10 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, không còn yêu thương, quan tâm nhau. Nay bà yêu cầu ly hôn ông V, việc ly hôn bà đã suy nghĩ kỹ và tự nguyện.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Tú U, sinh ngày 18-5-2011, hiện nay bà không mang thai, cháu U hiện nay đang sống cùng với ông V. Khi ly hôn bà H yêu cầu giao con chung cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Tài sản chung và tài sản nợ chung đều không có. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự thuận tình ly hôn ngày 16-01-2019 thể hiện bà Trần Thị Ngọc H và ông Nguyễn Ngọc V thuận tình ly hôn. Về con chung thể hiện thỏa thuận giao con Nguyễn Thị Tú U cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, tài sản nợ chung đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay. Đại điện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận cho bà Trần Thị Ngọc H và ông Nguyễn Ngọc V ly hôn. Chấp nhận yêu cầu của bà H về giao con chung. Giao con chung Nguyễn Thị Tú U, sinh ngày 18-5-2011 cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản không xem xét giải quyết. Buộc bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông V vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu phản tố nên vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông V. Bà H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông V. Ông V hiện đang cư trú tại huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Do đó, căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Di Linh.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Bà H và ông V tự nguyện kết hôn ngày 05 tháng 10 năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông V là hôn nhân hợp

pháp. Xét thấy, quan hệ vợ chồng của ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng và mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc bà H yêu cầu được ly hôn với ông V là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự, bản sao giấy khai sinh, có cơ sở xác định bà H và ông V có một con chung tên là Nguyễn Thị Tú U, sinh ngày 18-5-2011. Xét thấy, hiện nay con chung đang sống cùng với ông V, nguyện vọng của con chung là muốn được sống cùng ông V, cần ổn định cuộc sống của con chung, bà H không có thu nhập, việc làm ổn định, ông V có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt hơn nên cần giao con chung cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, tài sản nợ chung của vợ chồng: xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc H và ông Nguyễn Ngọc V ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Tú U, sinh ngày 18-5-2011 cho ông Nguyễn Ngọc V trực tiếp nuôi dưỡng; bà Trần Thị Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền, nghĩa vụ thăm nom con; thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; thay đổi mức cấp dưỡng của các đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sư sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0009378 ngày 12 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án

dân sự huyện Di Linh. Bà H đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Di Linh;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND thị trấn Di Linh;
- Chi cục thi hành án huyện Di Linh;
- Lưu hồ sơ; Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Huỳnh Thị Mỹ Lệ